TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2025/DS-ST
Ngày: 26/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.

2. Ông Đặng Văn Ẩn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: B L, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Đ** (Tên gọi cũ: Công ty TNHH Đ1).

Địa chỉ: 2 H, ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 290/3 H, ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn H1, sinh năm 1983, chức danh: Giám đốc.

Địa chỉ: Tiểu khu L, xã N, Thanh Hóa (Địa chỉ cũ: Tiểu khu L, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Bà và Công ty TNHH Đ (tên cũ: Công ty TNHH Đ1) đã ký kết hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 nhằm mục đích thực hiện thủ tục hoàn công cập nhật tài sản cho bà tại nhà và đất ở địa chỉ số B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, mức phí dịch vụ là 65.000.000 đồng, thời gian thực hiện dịch vụ là 04 (bốn) tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng dịch vụ, bà đã đưa tiền mặt trực tiếp cho ông Đào Văn H1 (là người đại diện của công ty) và được lập Phiếu thu ngày 01/4/2024 có đóng dấu của công ty.

Sau khi đưa tiền, bà đã đưa toàn bộ bản sao có chứng thực hồ sơ, giấy tờ cho công ty để công ty thực hiện các thủ tục cần thiết. Nhưng đến thời hạn trong hợp đồng là ngày 01/8/2024, công ty vẫn chưa hoàn tất giấy tờ cho bà, bà đã đến công ty để gặp mặt, liên lạc với ông H1 nhưng phía công ty L, xin gia hạn thêm thời gian. Sau này bà liên hệ với công ty và ông H1 thì ông H1 tìm cách trốn tránh, không gặp mặt bà, thậm chí chặn số điện thoại và xóa toàn bộ nội dung nhắn tin giữa các bên.

Đồng thời, ngày 08/01/2025, bà đã gửi một thông báo về việc yêu cầu trả nợ gửi đến ông Đào Văn H1 theo địa chỉ trên và có gia hạn cho ông H1 thêm 01 tháng để thu xếp trả cho bà số tiền trên nhưng bà vẫn không nhận được phản hồi từ phía ông H1.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu tuyên hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 vô hiệu. Buộc Công ty TNHH Đ (tên cũ: Công ty TNHH Đ1) hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của bà Nguyễn Thị Cẩm H là: 32.500.000 (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên hủy hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 và Buộc Công ty TNHH Đ (tên cũ: Công ty TNHH Đ1) hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của bà Nguyễn Thị Cẩm H là: 32.500.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty TNHH Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu tuyên hủy hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024. Buộc Công ty TNHH Đ (tên cũ: Công ty TNHH Đ1) hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận, đây là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty TNHH Đ ở tại địa chỉ xã T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Công ty TNHH Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Đ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH Đ nhưng Công ty TNHH Đ vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy Công ty TNHH Đ đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2024. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0317615595, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2022, đăng ký thay đổi lần 2: ngày 25/4/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố H (nay là Sở Tài chính Thành phố H) cấp cho Công ty TNHH Đ thì Công ty TNHH Đ có địa chỉ trụ sở chính tại: 2 H, ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 290/3 H, ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn H1, sinh năm 1983, chức danh: Giám đốc. Địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc: Tiểu khu L, Thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là Tiểu khu L, xã N, Thanh Hóa) đến nay doanh nghiệp chưa giải thể.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[6.1] Về hình thức hợp đồng:

Xét Hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn về chủ thể, mục đích, nội dung, hình thức và các bên giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện nên hợp đồng được thực hiện đúng quy định pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 về Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.

Hợp đồng dịch vụ trên phù hợp với quy định tại Điều 513, 514 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 có hiệu lực.

Căn cứ Điều 2 của hợp đồng, mức phí dịch vụ là 65.000.000 đồng, thời gian thực hiện dịch vụ là 04 (bốn) tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Căn cứ Điều 3 của hợp đồng: Phương thức thanh toán:

Đợt 1: Bên B thanh toán cho bên A số tiền: 32.500.000 (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng ngay khi hai bên kí hợp đồng dịch vụ này.

Đợt 2: Bên B sẽ thanh toán cho bên A số tiền còn lại là 32.500.000 (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) khi Bên A chuyển thông báo thuế và hoàn thành thủ tục hoàn công cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất mang tên bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Thông tin chuyển khoản:

Chủ tài khoản: Đào Văn H1

Số tài khoản: 7867898888 tại Ngân hàng S (S1)

[6.2] Căn cứ Phiếu thu ngày 01/04/2024 thì bà H đã nộp 32.500.000 (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho Công ty TNHH Đ có ông Đào Văn H1 nhận.

[6.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên hủy hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024. Buộc Công ty TNHH Đ (tên cũ: Công ty TNHH Đ1) hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận của bà Nguyễn Thị Cẩm H là:

32.500.000 (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, đến nay đã quá thời hạn thực hiện công việc theo hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 nhưng bên Công ty TNHH Đ đã không thực hiện công việc thực hiện thủ tục hoàn công cập nhật tài sản cho bà H có địa chỉ B L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 51 căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7977627427 hồ sơ gốc số 9781/2008/GCN do Ủy ban nhân dân Quận H2 cấp ngày 23 tháng 12 năm 2008 cho bà H.

Đồng thời, ngày 08/01/2025, bà H đã gửi một thông báo về việc yêu cầu hủy hợp đồng và yêu cầu Công ty TNHH Đ Hảo trả nợ và có gia hạn cho Công ty TNHH Đ thêm 01 tháng để trả cho bà H số tiền trên nhưng bà H vẫn không nhận được phản hồi từ phía Công ty TNHH Đ.

Căn cứ Điều 4 Hợp đồng, có quy định: Bên A (Công ty TNHH Đ) cam kết thực hiện đúng tiến độ hợp đồng. Nếu chậm trễ, bên B (bà Nguyễn Thị Cẩm H) có quyền đơn phương hủy hợp đồng dịch vụ đã ký và bên A có trách nhiệm hoàn trả lại đầy đủ toàn bộ số tiền cho bên B đã cho bên A ứng đợt 1 là 32.500.000 (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định chấm dứt hợp đồng.

Công ty TNHH Đ không hoàn tất giấy tờ cho nguyên đơn đã vi phạm Điều 4 Hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 và vi phạm nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo quy định tại Điều 517 của Bộ luật dân sự 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H: Tuyên hủy hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024. Buộc Công ty TNHH Đ (tên cũ: Công ty TNHH Đ1) hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm H toàn bộ số tiền đã nhận là 32.500.000 (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: Công ty TNHH Đ phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu hủy hợp đồng và 1.625.000 (một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà H. Tổng cộng 1.925.000 (một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 117, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H đối với bị đơn Công ty TNHH Đ về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

1.1. Hủy hợp đồng dịch vụ số 15/2024/HĐDV-ĐTP ngày 01/4/2024 giữa Công ty TNHH Đ ký với bà Nguyễn Thị Cẩm H.

1.2. Buộc Công ty TNHH Đ (tên cũ: Công ty TNHH Đ1) hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm H toàn bộ số tiền đã nhận là 32.500.000 (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Đ phải chịu 1.925.000 (một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.112.500 (một triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0052273 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND KV10 – TP . HCM;
- THADS TP . HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

2 000017 712208

Phạm Thị Kim Định